

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVI

Phẩm 12: BỒ TÁT CA DIẾP 4

Này thiện nam! Như Lai lại có ngôn ngữ tùy tự ý. Phật tánh của Như Lai có hai loại: một là có, hai là không. Có, đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, vô lượng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vô lượng Tam-muội Kim cang, vô lượng Tam-muội Phương tiện, vô lượng Tam-muội Ngũ trí ấn, đó gọi là có. Không, đó là trong quá khứ, Như Lai không có các thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp, nhân, quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên, đó gọi là không. Này thiện nam! Như có, không; thiện, bất thiện; hữu lậu, vô lậu; thế gian, chẳng phải thế gian; Thánh, chẳng phải Thánh; hữu vi, vô vi; thật, không thật; tịch tĩnh, chẳng phải tịch tĩnh; tranh luận, chẳng phải tranh luận; thế giới, chẳng phải thế giới; phiền não, chẳng phải phiền não; chấp thủ, chẳng phải chấp thủ; thọ ký, chẳng phải thọ ký; hữu, chẳng phải hữu; ba đời, chẳng phải ba đời; thời, chẳng phải thời; thường, vô thường; ngã, vô ngã; lạc, vô lạc; tịnh, vô tịnh; sắc, thọ, tưởng, hành thức, chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành thức; nội nhập, chẳng phải nội nhập; ngoại nhập, chẳng phải ngoại nhập; mười hai nhân duyên, chẳng phải mười hai nhân duyên; đó gọi là có, không có Phật tánh của Như Lai, cho đến có, không có Phật tánh của hạng Nhất-xiển-đề cũng lại như vậy. Này thiện nam! Ta tuy nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng chúng sinh chẳng hiểu những lời nói theo ý mình như vậy của Như Lai. Này thiện nam! Lời nói như vậy, bậc Bồ-tát hậu thân còn không thể hiểu được, huống gì là hàng Nhị thừa và các Bồ-tát khác. Này thiện nam! Thuở xưa, Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật,

cùng với Bồ-tát Di-lặc bàn luận về Thế đế, nhưng năm trăm Thanh văn như Xá-lợi-phất v.v... đối với điều này đều không thể hiểu biết được huống là Đệ nhất nghĩa đế xuất thế.

Này thiện nam! Hoặc có Phật tánh, Nhất-xiển-đề có mà người có căn lành thì không; hoặc có Phật tánh, người có căn lành thì có mà Nhất-xiển-đề thì không; hoặc có Phật tánh, cả hai đều có; hoặc có Phật tánh, cả hai đều không. Này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta hiểu ý nghĩa của bốn câu như vậy thì không nên gạn hỏi rằng Nhất-xiển-đề chắc chắn có Phật tánh hay chắc chắn không có Phật tánh. Nếu nói chúng sinh đều có Phật tánh, đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai. Ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai là như vậy, sao chúng sinh chỉ hiểu theo một chiều? Này thiện nam! Như trong sông Hằng có bảy loại chúng sinh: một là luôn chìm, hai là tạm nổi lên rồi lại chìm, ba là nổi lên rồi dừng lại, bốn là nổi lên rồi quán sát khắp bốn phương, năm là quán sát khắp rồi đi, sáu là đi rồi dừng lại, bảy là ở dưới nước, trên bờ đều đi. Nói luôn chìm nghĩa là loài cá lớn, chịu nghiệp ác lớn, thân nặng, ở sâu, đó gọi là luôn chìm. Tạm thời nổi lên rồi lại chìm là như loài cá lớn vì chịu nghiệp ác nên thân nặng, ở chỗ cạn, tạm thời thấy được ánh sáng, nhờ ánh sáng nên tạm thời nổi lên nhưng vì thân nặng nên lại chìm xuống. Nổi lên rồi dừng lại nghĩa là cá chỉ-di ở nơi nước cạn, thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi dừng lại. Quán sát khắp các phương nghĩa là cá tích vì tìm thức ăn nên quán sát khắp bốn phương, đó gọi là quán sát khắp các phương. Quán sát xong rồi đi, nghĩa là cá tích thấy các vật từ xa, cho là có thể ăn liền bơi nhanh đến, gọi là quán sát xong rồi đi. Đi rồi dừng lại, là cá ấy đến xong, gặp được thức ăn liền dừng lại, đó gọi là đi rồi dừng lại. Ở dưới nước, trên bờ đều đi tức là loài rùa. Này thiện nam! Trong sông Đại Niết-bàn vì diệu này cũng có bảy loại chúng sinh như vậy, từ loại ban đầu là luôn chìm cho đến loại thứ bảy là hoặc dưới nước hoặc lên bờ. Nói luôn chìm là, có người nghe kinh Đại Niết-bàn này, cho rằng Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng nhập Niết-bàn rốt ráo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh; hạng Nhất-xiển-đề chê bai kinh Phương Đẳng, tạo năm tội đại nghịch, phạm bốn tội cực nặng chắc chắn sẽ

được thành đạo Bồ-đề, các hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi v.v... chắc chắn sẽ thành Bồ-đề vô thượng. Nghe lời này xong, người ấy khởi tâm không tin tưởng, liền suy nghĩ và nói như vậy: “Kinh điển Niết-bàn này là sách vở ngoại đạo chẳng phải là kinh Phật”. Bấy giờ, người này xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp. Tuy có lúc được nghe nhưng không thể tư duy, dù có tư duy nhưng không thể tư duy pháp thiện, do không tư duy pháp thiện nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng: một là ác, hai là không thiện, ba là làm ô nhiễm pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, đó gọi là chìm. Vì sao gọi là chìm? Vì không có tâm thiện nên thường làm điều ác, không tu tập pháp đối trị, đó gọi là chìm. Nói ác, là vì Thánh nhân quở trách, vì tâm luôn sợ hãi, vì xa lìa người tốt, vì không tạo lợi ích cho chúng sinh nên gọi là ác. Nói không thiện là vì có thể sinh khởi vô lượng quả báo ác, vì luôn bị vô minh trói buộc, vì thích làm bạn với người ác, vì không tu tập theo những phương tiện lành, vì tâm họ luôn điên đảo, sai lầm, nên gọi là không thiện. Nói ô nhiễm là vì thân, miệng luôn nhiễm ô, vì làm nhiễm ô chúng sinh thanh tịnh, vì tăng trưởng nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp thiện, nên gọi là ô nhiễm. Nói tăng hữu là, làm như những điều mà ba hạng người trên đã làm, có thể tăng thêm địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, không thể tu tập pháp giải thoát, nghiệp thân, miệng, ý, không hề nhằm chán các cõi, đó gọi là tăng hữu. Nói não nhiệt là, người này làm đủ bốn việc như trên, có thể khiến cho thân, tâm đều bị nóng bức, xa lìa tịch tĩnh thì gọi là nóng bức, vì chịu quả báo địa ngục nên gọi là nóng bức, vì thiêu đốt các pháp nên gọi là nóng bức. Đây thiện nam! Người này lòng tin mát mẻ không đầy đủ, nên gọi là nóng bức. Nói chịu quả báo ác là người này làm đầy đủ năm việc như trên thì khi chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đây thiện nam! Có ba việc ác nên gọi là quả báo ác: một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là quả báo ác, đó gọi là chịu quả báo ác. Đây thiện nam! Người này làm đủ sáu việc như trên thì có thể đoạn dứt căn lành, tạo năm tội đại nghịch, có thể phạm bốn tội nặng, chệch Tam bảo, dùng vật của chúng Tăng, có thể làm các việc phi

pháp, do nhân duyên này nên bị chìm đắm trong địa ngục A-tỳ, dù thọ thân hình cao lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, nhưng do nghiệp thân, miệng, ý của người này rất nặng nên không thể thoát khỏi. Vì sao? Vì tâm họ không thể sinh khởi pháp thiện, dù có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe, chẳng được thấy, đó gọi là luôn chìm như loài cá lớn trong sông Hằng. Đây thiện nam! Tuy Ta nói hạng Nhất-xiển-đề là luôn chìm nhưng lại có hạng luôn chìm mà chẳng phải là Nhất-xiển-đề. Vì sao như vậy? Như người vì cõi giới mà tu tập bố thí, trì giới, làm các việc lành, đó gọi là luôn chìm. Đây thiện nam! Có bốn việc lành nhưng chịu lấy quả ác. Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên giữ gìn giới cấm, ba là vì lệ thuộc người khác mà thực hành bố thí, bốn là vì cõi Phi tưởng, phi phi tưởng nên nhiếp niệm tư duy. Đó là bốn việc lành nhưng chịu quả báo ác. Nếu người nào tu tập theo bốn việc như vậy thì gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì sao gọi là chìm? Vì ưa thích ba cõi. Vì sao gọi là nổi? Vì thấy ánh sáng. Ánh sáng tức là nghe pháp, trì giới, bố thí, thiền định. Vì sao chìm trở lại? Là tăng trưởng tà kiến, sinh khởi kiêu mạn. Do đó, ở trong kinh, Ta nói kệ:

*Nếu có chúng sinh thích các cõi
Vì cõi tạo tác nghiệp thiện, ác
Người này mê muội, mất Niết-bàn
Đây gọi tạm nổi rồi lại chìm
Đi nơi biển sinh tử tối tăm
Tuy được giải thoát phiền não tạp
Người này lại chịu quả báo ác
Đây gọi tạm nổi rồi lại chìm.*

Này thiện nam! Như cá lớn kia nhờ thấy ánh sáng nên tạm thời được nổi lên mặt nước, nhưng vì thân nặng nên bị chìm trở lại. Hai hạng người như trên cũng lại như vậy. Đây thiện nam! Hoặc có người thích chấp trước vào ba cõi, đó gọi là chìm, được nghe kinh Đại Niết-bàn này mà phát sinh lòng tin, đó gọi là nổi. Nhân duyên gì gọi là nổi lên? Là nghe kinh này xong, xa lìa pháp ác, tu tập pháp

thiện, đó gọi là nổi. Người này tuy có lòng tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Người này dù tin kinh Đại Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng cho rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như Lai có hai loại Niết-bàn: một là hữu vi, hai là vô vi. Niết-bàn hữu vi không có thường, lạc, ngã, tịnh; Niết-bàn vô vi có thường, lạc, ngã, tịnh; tuy tin là Phật tánh chúng sinh đều có nhưng không chắc chắn là tất cả đều có Phật tánh, đó gọi là tin không đầy đủ. Nay thiện nam! Lòng tin có hai loại: một là tin, hai là cầu. Người như vậy tuy có lòng tin nhưng không thể tìm cầu. Cho nên gọi là lòng tin không đầy đủ. Lòng tin lại có hai: một là từ nghe sinh khởi, hai là từ tư duy sinh khởi. Lòng tin của người này từ nghe mà sinh khởi, không phải từ tư duy sinh khởi, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Lòng tin của người này tuy tin là có đạo nhưng hoàn toàn không tin có người đắc đạo, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tin chân chánh, hai là tin theo tà. Cho rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng, đó gọi là tin chân chánh. Cho rằng không có nhân quả, tánh Tam bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo như Phú-lan-na v.v..., đó gọi là tin theo tà. Người này tuy tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo nhưng không tin Tam bảo đồng một tánh, tướng; tuy tin nhân quả nhưng không tin có người thọ quả báo, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Người này thành tựu lòng tin không đầy đủ, thọ trì giới cấm cũng chẳng đầy đủ. Nhân duyên gì gọi là không đầy đủ? Do nhân chẳng đầy đủ nên sự đạt được về giới cấm cũng không đầy đủ. Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là không đầy đủ? Giới có hai loại: một là giới về oai nghi, hai là giới về từng giới. Người này tuy đầy đủ các giới về oai nghi nhưng không đầy đủ các giới về từng giới, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này tuy đầy đủ tác giới nhưng không đầy đủ vô tác giới, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là từ thân, miệng mà được chánh mạng; hai là từ thân, miệng chẳng được chánh mạng. Người này tuy từ thân, miệng nhưng chẳng được chánh mạng, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là cầu giới, hai là xả giới. Người này tuy đầy đủ giới do cầu mà có nhưng không được giới xả, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tùy hữu, hai là

tùy đạo. Người này tuy đầy đủ giới tùy hữu nhưng không đầy đủ giới tùy đạo, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là giới thiện, hai là giới ác. Thân, miệng, ý lành thì gọi là giới thiện; giới trầu, giới chó thì gọi là giới ác. Người này tin tưởng sâu xa, cho là hai loại giới này đều có quả lành, cho nên gọi là giới không đầy đủ. Người này chẳng có đầy đủ hai điều: lòng tin và giới, nên sự tu tập về đa văn cũng chẳng đầy đủ. Sao gọi là nghe không đầy đủ? Mười hai bộ loại kinh văn do Như Lai thuyết giảng, chỉ tin sáu bộ loại, còn không tin sáu bộ loại kia, đó gọi là nghe chẳng đầy đủ. Lại nữa, tuy có thọ trì sáu bộ loại kinh này nhưng không thể đọc tụng, vì người khác mà giảng nói, chẳng tạo được lợi ích, đó gọi là nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy thọ trì sáu bộ loại kinh này rồi nhưng vì bàn luận, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói đó gọi là nghe không đầy đủ. Nay thiện nam! Ở trong kinh, Ta nói là nghe đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ-kheo, thân, miệng, ý đều thiện, trước có thể cúng dường Hòa thượng, các bậc thầy và những vị có đức, các bậc Sư trưởng này đối với người ấy sinh tâm thương mến, do nhân duyên này, chư vị truyền trao kinh pháp, người ấy chí tâm thọ trì, đọc tụng, tu tập; thọ trì, đọc tụng, tu tập xong, đạt được trí tuệ; đạt được trí tuệ xong, có thể khéo tư duy như pháp mà an trụ; khéo tư duy rồi liền hiểu được nghĩa chân chánh; được nghĩa chân chánh rồi, thân, tâm tịch tĩnh; thân, tâm tịch tĩnh rồi liền khởi tâm hoan hỷ; nhờ tâm hoan hỷ, duyên theo tâm này liền được định; nhờ được định nên được tri kiến chân chánh; được tri kiến chân chánh rồi nên khởi tâm nhàm chán hối hận đối với các cõi nên có thể được giải thoát. Người này không có những việc như vậy, cho nên gọi là nghe không đầy đủ. Người này không đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng không đầy đủ. Bố thí có hai loại: một là tài thí, hai là pháp thí. Người này tuy có thực hành về tài thí nhưng vì tìm cầu nơi hữu, nên dù có thực hành pháp thí cũng không đầy đủ. Vì sao? Vì giữ bí mật, không nói hết, sợ người khác hơn mình. Đó gọi là bố thí không đầy đủ. Hai loại tài thí và pháp thí, mỗi loại đều có hai: một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Bậc Thánh là bố thí rồi không cầu quả báo. Chẳng phải Thánh là bố thí rồi lại cầu quả báo.

Bậc Thánh bố thí pháp là vì làm cho pháp tăng trưởng. Chẳng phải Thánh bố thí pháp là vì tăng trưởng các hữu. Người như vậy vì tăng trưởng tài sản mà thực hành tài thí, vì tăng trưởng các hữu mà thực hành pháp thí, cho nên gọi là bố thí không đầy đủ. Lại nữa, người này thọ trì sáu bộ loại kinh văn, thấy người nào thọ trì pháp thì cúng dường, cung cấp, còn những ai không thọ trì pháp thì không cúng dường, cung cấp, cho nên gọi là bố thí không đầy đủ. Người này không đầy đủ bốn điều như trên nên có trí tuệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí tuệ là tánh phân biệt. Người này không thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Niết-bàn này, Như Lai đã nói: “Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai; Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là giải thoát”. Đối với nghĩa này không thể phân biệt được. Phạm hạnh tức là Như Lai, Như Lai tức là từ, bi, hỷ, xả; từ, bi, hỷ, xả, giải thoát tức là Niết-bàn; Niết-bàn tức là từ, bi, hỷ, xả, đối với nghĩa này không thể phân biệt được, đó gọi là trí tuệ không đầy đủ. Lại nữa, không thể phân biệt về Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả các pháp bất cộng; pháp bất cộng tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức pháp bất cộng; đối với nghĩa này, không thể phân biệt được, cho nên gọi là trí tuệ không đầy đủ. Lại nữa, không thể phân biệt về bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, vì không thể phân biệt về bốn đế chân chánh nên không biết hạnh của bậc Thánh, do không biết hạnh của bậc Thánh nên không biết về Như Lai, do không biết về Như Lai nên không biết giải thoát, do không biết giải thoát nên không biết Niết-bàn. Cho nên gọi là trí tuệ không đầy đủ. Người này do không đầy đủ năm việc như vậy nên có hai trường hợp: một là tăng trưởng pháp thiện, hai là tăng trưởng pháp ác. Thế nào gọi là tăng trưởng pháp ác? Người này không biết là mình không đầy đủ, tự cho rằng đã đầy đủ nên khởi tâm chấp trước; đối với người đồng hành tự cho mình là hơn, do đó cùng gằn gỏi với bạn ác; đã gằn gỏi rồi lại được nghe pháp không đầy đủ, nghe rồi tâm hoan hỷ, tâm người ấy bị nhiễm trước, khởi lên kiêu mạn, luôn buông lung; do buông lung nên gằn gỏi người tại gia, cũng thích nghe nói về những việc của người tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh; do nhân duyên này nên tăng

trưởng pháp ác; do tăng trưởng pháp ác nên thân, miệng, ý khởi lên nghiệp bất tịnh; do ba nghiệp không thanh tịnh nên tăng trưởng địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đó gọi là tạm nổi rồi lại chìm. Trong pháp Phật của Ta, những ai là người tạm nổi rồi lại chìm như vậy? Đó là Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Cù-già-ly, Tỳ-kheo Uyển Thủ, Tỳ-kheo Thiện Tinh, Tỳ-kheo Đề-xá, Tỳ-kheo Mãn Túc, Tỳ-kheo-ni Từ Địa, Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, Tỳ-kheo-ni Phương, Tỳ-kheo-ni Mạn, Trưởng giả Tịnh Khiết, Ưu-bà-tắc Cầu Hữu, Xá-lặc Thích Chủng, Trưởng giả Tượng, Ưu-bà-di Danh Xưng, Ưu-bà-di Quang Minh, Ưu-bà-di Nan-đà, Ưu-bà-di Quân, Ưu-bà-di Linh, những người như vậy gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm. Ví như loài cá lớn do thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng nên chìm xuống. Hạng người thứ hai là tự biết rõ sự thực hành của mình không đầy đủ, do không đầy đủ nên tìm cầu, gần gũi bạn lành, do gần gũi bạn lành nên thích bàn luận những điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ trì, thọ trì rồi thích khéo tư duy, khéo tư duy rồi có thể như pháp mà an trụ, do an trụ như pháp nên tăng trưởng pháp thiện, nhờ tăng trưởng pháp thiện nên không bao giờ chìm lại. Đó gọi là an trụ. Trong pháp Phật của Ta những ai là hạng người này? Đó là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, năm vị Tỳ-kheo: A-nhã Kiều-trần-như v.v..., năm vị Tỳ-kheo: Da-xá v.v...; A-nâu-lâu-đà, Đồng Tử Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập Lực Ca-diếp, Tỳ-kheo-ni Sáu-cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Ba-tra-la-hoa, Tỳ-kheo-ni Thắng, Tỳ-kheo-ni Thật Nghĩa, Tỳ-kheo-ni Ý, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, Tỳ-kheo-ni Tịnh, Tỳ-kheo-ni Bất Thoái Chuyển, vua Tần-bà-sa-la, Trưởng giả Úc-già, Trưởng giả Tu-đạt-đa, Thích Ma-nam, Bần-tu-đạt-đa, Trưởng giả Thử Lang, Trưởng giả Danh Xưng, Trưởng giả Cụ Túc, Tướng quân Sư Tử, Trưởng giả Ưu-ba-ly, Trưởng giả Dao, Ưu-bà-di Vô Úy, Ưu-bà-di Thiện Trụ, Ưu-bà-di Ái Pháp, Ưu-bà-di Dũng Kiện, Ưu-bà-di Thiên Đắc, Ưu-bà-di Thiện Sinh, Ưu-bà-di Cụ Thân, Ưu-bà-di Ngư Đắc, Ưu-bà-di Khoáng Dã, Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di như vậy được gọi là an trụ. Thế nào là an trụ? Vì luôn ưa thấy ánh sáng thiện, do nhân duyên này, hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời thì những người như vậy không bao giờ tạo nghiệp ác. Đó gọi là an trụ. như cá chỉ-di ưa

thấy ánh sáng nên không lặn, không chìm, những người như trên cũng lại như vậy. Do đó, ở trong kinh, Ta nói kệ:

*Người nào khéo phân biệt ý nghĩa
Chí tâm cầu quả vị Sa-môn
Hoặc là quả trách tất cả hữu
Người này gọi là trụ như pháp
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
Có thể tu đạo vô lượng đời
Hưởng vui thế gian, không buông lung
Người này gọi là trụ như pháp
Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp
Trong khéo tư duy, trụ như pháp
Thích thấy ánh sáng tu tập đạo
Đạt được giải thoát, trụ an ổn.*

Này thiện nam! Trí chẳng đầy đủ có năm việc. Người này biết rồi, tìm cầu gần gũi bạn lành. Bạn lành ấy nên quán sát người này về tham dục, sân hận, ngu si và suy nghĩ, xem cái nào nhiều hơn. Nếu biết người này nhiều tham dục thì nên giảng nói pháp quán bất tịnh, nhiều sân hận thì giảng nói từ bi, nhiều suy nghĩ tán loạn thì dạy quán sở tức, nhiều chấp ngã thì phân tích về mười tám giới v.v... Người này nghe rồi, chí tâm thọ trì, chí tâm thọ trì rồi như pháp mà tu hành, như pháp tu hành xong, lần lượt đạt được pháp quán bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm và pháp, được pháp quán này rồi, lại lần lượt quán mười hai nhân duyên, quán như vậy rồi, lần lượt chứng được pháp noãn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Vì sao? Như Đức Như Lai đã giảng nói, ba pháp hòa hợp thì gọi là chúng sinh: một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sinh đáng lẽ từ trước đã có noãn. Sao Như Lai giảng nói pháp noãn nhờ bạn lành mà phát khởi?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như pháp noãn mà ông đã hỏi thì tất cả

chúng sinh cho đến Nhất-xiển-đề đều có pháp ấy. Nhưng pháp noãn mà Ta giảng nói hôm nay thì cần phải nương vào phương tiện, sau đó mới có được, vốn là không, nay có. Do nghĩa này, nên chẳng phải tất cả chúng sinh đều có trước. Do vậy, nay ông không nên gạn hỏi là tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Nay thiện nam! Pháp noãn này là pháp thuộc cõi Sắc, cõi Dục không thể có. Nếu nói tất cả chúng sinh đều có thì lẽ ra chúng sinh cõi Dục cũng đều có, mà cõi Dục không có thì nên biết không chắc là tất cả đều có. Nay thiện nam! Cõi Sắc tuy có nhưng chẳng phải tất cả đều có. Vì sao? Vì hàng đệ tử của Ta thì có mà ngoại đạo thì không, do nghĩa này nên không hẳn tất cả chúng sinh đều có. Nay thiện nam! Tất cả ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh, còn hàng đệ tử của Ta thì đầy đủ mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này, không hẳn tất cả chúng sinh đều có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói là pháp noãn, vậy thế nào gọi là noãn? Là noãn tự tánh hay noãn do pháp khác?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Pháp noãn này là noãn tự tánh, chẳng phải noãn do pháp khác.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trước Đức Như Lai đã nói Mã Sư và Mãn Túc không có pháp noãn. Vì sao? Vì không có lòng tin đối với Tam bảo nên không có pháp noãn, nên biết lòng tin tức là pháp noãn.

–Nay thiện nam! Lòng tin không phải là pháp noãn. Vì sao? Vì do lòng tin mà đạt được pháp noãn. Nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là trí tuệ. Vì sao? Vì quán bốn đế cho nên gọi là mười sáu hạnh, mà hạnh tức trí. Nay thiện nam! Như lời ông hỏi, nhân duyên gì gọi là noãn thì, nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là tướng lửa của tám Thánh đạo, cho nên gọi là noãn. Nay thiện nam! Ví như nhóm lửa, trước có hơi nóng, kế đến có lửa, sau mới có khói. Đạo vô lậu cũng như vậy, hơi nóng tức là mười sáu hạnh, lửa tức là quả Tu-đà-hoàn, khói tức là tu đạo đoạn trừ kiết sử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp noãn này cũng là pháp hữu, cũng là pháp hữu vi, quả báo của pháp này là được năm ấm ở cõi Sắc nên gọi là hữu, do nhân duyên này lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi thì sao có thể làm tướng đạo vô lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này thiện nam! Tuy pháp noãn này là pháp hữu và hữu vi nhưng có thể trở lại phá trừ pháp hữu và hữu vi, do đó có thể làm tướng đạo vô lậu. Này thiện nam! Như người cỡi ngựa cũng thương cũng đánh, tâm noãn cũng vậy, vì ái nên thọ sinh, vì nhàm chán nên quán các hạnh. Do đó, tuy là pháp hữu và hữu vi nhưng có thể cùng làm tướng cho chánh đạo kia đặc pháp noãn. Có bảy mươi ba hạng người được pháp noãn, cõi Dục có mười hạng người. Những người này đầy đủ tất cả các phiền não, từ đoạn trừ một phần cho đến chín phần. Như ở cõi Dục, Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng. Những người này đạt được pháp noãn rồi, thì không thể đoạn dứt căn lành, tạo năm tội đại nghịch, phạm bốn giới nặng. Những người này có hai hạng: một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác. Người gặp bạn ác thì tạm nổi rồi lại chìm xuống, người gặp bạn lành thì quán sát khắp bốn phương. Quán sát bốn phương tức là pháp Đánh, tuy tánh của pháp này là năm ấm nhưng cũng duyên theo bốn đế, do đó được gọi là quán sát khắp bốn phương. Được pháp Đánh rồi kế đến đạt được pháp Nhẫn. Tánh của pháp Nhẫn này cũng như vậy, cũng là năm ấm và duyên theo bốn đế. Người này kế đến đạt được pháp Thế đệ nhất. Tánh của pháp này cũng là năm ấm và cũng duyên theo bốn đế. Người này lần lượt đạt được pháp Nhẫn khổ. Tánh của pháp nhẫn này là tuệ, duyên theo một đế. Pháp nhẫn này duyên theo một đế rồi, cho đến kiến đạo, đoạn trừ phiền não đạt được quả Tu-đà-hoàn. Đây gọi là thứ tư: quán sát khắp bốn phương. Bốn phương này tức là Bốn đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước, Phật đã nói phiền não mà bậc Tu-đà-hoàn đã đoạn trừ giống như dòng nước rộng lớn bốn mươi dặm,

những phiền não còn lại thì như giọt nước đầu sợi lông, nhưng ở đây sao lại nói đoạn trừ ba kiết sử gọi là Tu-đà-hoàn: một là chấp ngã, hai là chẳng phải nhân chấp là nhân, ba là lưới nghi. Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn quán sát khắp bốn phương? Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Lại do nhân duyên gì mà dùng cá tích để dụ cho Tu-đà-hoàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bạc Tu-đà-hoàn tuy có thể đoạn trừ vô lượng phiền não nhưng ba kiết sử cực nặng này cũng thuộc về tất cả các kiết sử mà bạc Tu-đà-hoàn đoạn trừ. Này thiện nam! Ví như đại vương lúc đi tuần, tuy có bốn đạo binh nhưng dân chúng chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Vì sao? Vì thế gian này tôn trọng vua. Ba phiền não này cũng như vậy. Nhân duyên gì gọi là nặng? Vì tất cả chúng sinh thường sinh khởi, vì vi tế khó nhận biết, nên gọi là nặng. Vì ba kiết sử này khó có thể đoạn trừ được, vì có thể làm nhân cho tất cả phiền não, vì là ba oán địch mà giới, định, tuệ đối trị. Này thiện nam! Có những chúng sinh nghe bạc Tu-đà-hoàn có thể đoạn trừ vô lượng phiền não như vậy thì sinh tâm thoái lui, nói như vậy: “Làm sao chúng sinh có thể đoạn trừ vô lượng phiền não như vậy!”. Cho nên, Như Lai phương tiện nói là ba. Như điều ông hỏi, nhân duyên gì mà bạc Tu-đà-hoàn dụ cho quán sát bốn phương? Này thiện nam! Bạc Tu-đà-hoàn quán sát bốn đế thì đạt được bốn điều: một là trụ nơi đạo kiên cố, hai là có thể quán sát khắp nơi, ba là có thể thấy như thật, bốn là có thể phá tan oán thù lớn. Trụ nơi đạo kiên cố là, bạc Tu-đà-hoàn này có năm căn không thể lay động, cho nên gọi là trụ nơi đạo kiên cố. Có thể quán sát khắp nơi là có thể quở trách hết thấy phiền não cả trong lẫn ngoài. Thấy như thật tức là trí nhãn. Phá tan oán thù lớn chính là bốn điên đảo. Như điều ông hỏi, nhân duyên gì gọi là bạc Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Tu gọi là vô lậu, đà hoàn gọi là tu tập. Tu tập vô lậu gọi là Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Lại nữa, tu gọi là dòng. Dòng có hai loại: một là thuận dòng, hai là ngược dòng. Do ngược dòng cho nên gọi là Tu-đà-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu theo nghĩa này thì nhân duyên gì mà bậc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm và bậc A-la-hán không được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật cũng được gọi là bậc Tu-đà-hoàn. Nếu bậc Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không gọi Tu-đà-hoàn thì sao được gọi là bậc Tư-đà-hàm cho đến Phật? Danh của tất cả chúng sinh có hai loại: một là cũ, hai là mới. Lúc còn phàm phu thì có danh tự thế gian, khi đã đắc đạo liền đặt tên, gọi là Tu-đà-hoàn. Do đắc đạo trước nên gọi là Tu-đà-hoàn, do đắc đạo sau nên gọi là Tư-đà-hàm. Người này cũng gọi là Tu-đà-hoàn cũng gọi là Tư-đà-hàm, cho đến Phật cũng như vậy. Này thiện nam! Dòng có hai loại: một là giải thoát, hai là Niết-bàn. Tất cả các bậc Thánh đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm, cho đến Phật cũng như vậy. Này thiện nam! Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát tức là trí tận và trí vô sinh. Bậc Tu-đà-hoàn cũng mong cầu hai trí này, do đó nên biết, bậc Tu-đà-hoàn cũng được gọi là Bồ-tát, bậc Tu-đà-hoàn cũng được gọi là Giác. Vì sao? Vì chánh giác thì thấy đạo đoạn trừ phiền não, vì chánh giác nhân quả, vì chánh giác cọng đạo và bất cọng đạo. Bậc Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán cũng như vậy. Này thiện nam! Tu-đà-hoàn này có hai hạng: một là căn thông lợi, hai là căn chậm lụt. Hạng căn chậm lụt thì bảy lần trở lại cõi trời, cõi người. Hạng người căn chậm lụt này lại có năm, hoặc có hạng trở lại sáu lần, năm, bốn, ba, hai lần. Bậc căn thông lợi thì hiện tại đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Này thiện nam! Như điều ông hỏi thì nhân duyên gì dùng cá tích dụ cho bậc Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Cá tích có bốn điều: một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có vây nên nhẹ, ba là ưa thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thì giữ chặt. Bậc Tu-đà-hoàn cũng có bốn điều: do phiền não vi tế nên dụ cho xương nhỏ, có chỉ và quán nên dụ cho có vây, thấy đạo nên dụ cho ưa thấy ánh sáng, nghe Như Lai giảng nói về vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì giữ gìn không bỏ nên dụ cho ngậm được vật thì giữ chặt. Giống như Ma vương hóa làm hình tượng Phật, trưởng giả Thủ-la thấy rồi, tâm kinh sợ. Ma thấy tâm trưởng giả lay động liền bảo trưởng giả:

“Trước kia, ta đã nói bốn chân đế, đó là lời nói không chân thật, nay ta sẽ vì ông mà nói năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới”. Trưởng giả nghe xong, liền quán sát pháp tướng đều không có lý ấy, do vậy nên giữ chắc tâm mình, không lay động.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bạc Tu-đà-hoàn này trước đã đắc đạo cho nên gọi là Tu-đà-hoàn hay vì chứng Sơ quả mà gọi là Tu-đà-hoàn? Nếu trước đã đắc đạo mới gọi là Tu-đà-hoàn thì khi đạt được pháp nhẫn khổ sao không được gọi là Tu-đà-hoàn, mà chỉ gọi là Hưởng? Nếu nhờ đạt được Sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn thì hạng ngoại đạo trước đã đoạn trừ phiền não, đạt đến Vô sở hữu xứ, tu đạo vô lậu chứng được quả A-na-hàm, sao không gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Vì được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như điều ông hỏi, thì hạng ngoại đạo trước đã đoạn trừ phiền não, đạt đến Vô sở hữu xứ, tu đạo vô lậu chứng quả A-na-hàm, sao không gọi là Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Do được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn, lúc ấy, người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chứng đắc quả A-na-hàm cũng như vậy, cũng đạt được tám trí và đầy đủ mười sáu hạnh, sao không được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai loại: một là cộng, hai là bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai loại: một là hưởng quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai: một là hưởng quả, hai là đắc quả. Bạc Tu-đà-hoàn xả bỏ mười sáu hạnh cộng, đạt được mười sáu hạnh bất cộng; xả bỏ tám trí hưởng quả, đạt được tám trí đắc quả. Bạc A-na-hàm thì không như vậy. Do đó, Sơ quả gọi là Tu-đà-hàm. Này thiện nam! Bạc Tu-đà-hoàn duyên theo bốn đế còn bậc A-na-hàm chỉ duyên theo một đế, do đó Sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn. Do nhân duyên này nên dùng cá tích để ví dụ. Quán sát khắp rồi đi, đi tức là bậc Tư-đà-hàm nhiếp tu đạo, vì để đoạn trừ tham dục, sân, si, kiêu mạn. Như cá tích kia quán sát khắp các phương rồi, vì thức ăn nên đi, đi rồi dừng lại, dụ cho bậc A-na-hàm được thức ăn rồi

dừng lại. A-na-hàm này có hai hạng: một là hiện tại chứng A-na-hàm rồi siêng năng tu tập liền đạt được quả A-la-hán. Hai là tham trước Tam-muội tịch tĩnh trong cõi Sắc và Vô sắc. Hạng này không thọ thân ở cõi Dục nên gọi là A-na-hàm. Bạc A-na-hàm này lại có năm hạng: một là Trung Bát-niết-bàn, hai là Thọ thân Bát-niết-bàn, ba là Hành Bát-niết-bàn, bốn là Vô hành Bát-niết-bàn, năm là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Lại có sáu hạng: năm hạng như trên cộng thêm Hiện tại Bát-niết-bàn. Lại có bảy hạng: sáu hạng như trên cộng thêm Vô sắc giới Niết-bàn. Hành Bát-niết-bàn lại có hai hạng: hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thì gọi là căn thông lợi, nếu thọ bốn thân gọi là căn chậm lụt. Lại có hai hạng: một là tinh tấn không có định tự tại, hai là biếng nhác mà có định tự tại. Lại có hai hạng: một là đầy đủ định và tinh tấn, hai là không đầy đủ cả hai loại này. Nay thiện nam! Chúng sinh cõi Dục và cõi Sắc có hai loại nghiệp: một là tác nghiệp, hai là thọ sinh nghiệp. Bạc Trung Niết-bàn chỉ có tác nghiệp mà không có thọ sinh nghiệp cho nên ở trong đây mà nhập Niết-bàn, xả bỏ thân ở cõi Dục khi chưa đến cõi Sắc, vì căn thông lợi nên ở trong đây mà Niết-bàn. Bạc A-na-hàm Trung Niết-bàn này có bốn loại tâm: một là chẳng phải học, chẳng phải vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là chẳng phải học, chẳng phải vô học mà nhập Niết-bàn. Thế nào lại gọi là Trung Bát-niết-bàn? Nay thiện nam! Trong bốn loại tâm của bậc A-na-hàm này, có hai loại là Niết-bàn, hai loại chẳng phải Niết-bàn, cho nên gọi là Trung Bát-niết-bàn. Bạc thọ thân Niết-bàn lại cũng có hai loại: một là tác nghiệp, hai là sinh nghiệp. Bạc này xả bỏ thân ở cõi Dục, thọ thân ở cõi Sắc, siêng năng tu đạo đến khi hết thọ mạng mới nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói chấm dứt mạng sống mới nhập Niết-bàn thì sao lại nói Thọ thân Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Bạc này thọ thân rồi, về sau mới đoạn trừ phiền não trong ba cõi, cho nên gọi là Thọ thân Bát-niết-bàn. Nay

thiện nam! Bạc Hành Bát-niết-bàn là thường tu hành đạo về lực Tam-muội hữu vi nên có thể đoạn trừ phiền não, nhập Niết-bàn. Đó gọi là Hành Bát-niết-bàn. Vô hành Bát-niết-bàn là, bậc này biết nhất định sẽ đạt được Niết-bàn nên biếng nhác, cũng nhờ lực Tam-muội hữu vi nên khi chấm dứt mạng sống thì liền được nhập Niết-bàn. Đó gọi là Vô hành Bát-niết-bàn. Thượng lưu Bát-niết-bàn là, nếu có người đạt được Tứ thiên rồi, nhưng lại sinh lòng ưa thích Sơ thiên, do nhân duyên này nên sinh xuống Sơ thiên. Ở đây lại có hai dòng: một là dòng phiền não, hai là dòng đạo. Nhờ dòng đạo nên khi chấm dứt mạng sống, bậc này sinh lòng ưa thích Nhị thiên, do nhân duyên ưa thích này nên được sinh vào Nhị thiên, cho đến Tứ thiên cũng như vậy. Trong Tứ thiên này cũng có hai bậc: một là nhập vào cõi Vô sắc, hai là nhập vào ngũ Tịnh cư. Hai bậc này, một là ưa thích Tam-muội, hai là ưa thích trí tuệ. Bậc ưa thích trí tuệ thì nhập vào ngũ Tịnh cư, bậc ưa thích Tam-muội thì nhập vào cõi Vô sắc. Hai bậc này, một bậc thì tu Thiên thứ tư có năm cấp bậc, hai là không tu. Những gì là năm? Là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng. Bậc tu thượng thượng thì ở trời Vô Tiểu, bậc tu thượng trung ở cõi trời Thiện Kiến, bậc tu thượng phẩm ở cõi trời Thiện Khả Kiến; bậc tu trung phẩm ở cõi trời Vô Nhiệt; bậc tu hạ phẩm ở cõi trời Thiểu Quang. Hai bậc này, một là thích bàn luận, hai là thích tịch tĩnh. Bậc thích tịch tĩnh thì nhập vào cõi Vô sắc, bậc thích bàn luận thì ở ngũ Tịnh cư. Lại có hai bậc: một là tu tập thiền, hai là không tu tập thiền. Bậc tu tập thiền nhập vào ngũ Tịnh cư, bậc không tu tập thiền thì sinh vào cõi Vô sắc, khi mạng sống của vị ấy chấm dứt thì nhập Niết-bàn. Đó gọi là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu muốn nhập vào cõi Vô sắc thì không thể tu tập năm cấp bậc của Tứ thiên, nếu tu tập năm cấp bậc của Tứ thiên thì có thể quả trách định của cõi Vô sắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Trung Niết-bàn chính là căn thông lợi, nếu căn thông lợi thì sao không nhập Niết-bàn ở hiện tại? Vì sao cõi Dục có Trung Niết-bàn mà cõi Sắc thì không có?

Đức Phật dạy:

www.daitangkinh.org

–Này thiện nam! Bạc này, bốn đại ở hiện tại gây yếu, không thể tu đạo, tuy có Tỳ-kheo bốn đại tráng kiện nhưng không có nhà cửa, thực phẩm, y phục, đồ nằm, thuốc men v.v... các duyên không đầy đủ nên không đạt được Niết-bàn ở hiện tại. Này thiện nam! Thuở nọ, Ta ở tại Tinh xá A-na-bân-đề, nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, thưa như vậy: “Bạch Thế Tôn! Con luôn tu đạo nhưng không thể đạt được quả tu đạo như không thể đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Bấy giờ, Ta liền bảo A-nan: “Nay, ông nên vì Tỳ-kheo này mà sắm đủ những vật cần dùng”. Khi ấy, A-nan liền dẫn Tỳ-kheo ấy đến rừng Kỳ-đà, cung cấp nhà cửa tốt. Tỳ-kheo ấy thưa Tôn giả A-nan: “Thưa Đại đức! Cúi xin Đại đức vì tôi mà trang hoàng nhà cửa, dọn dẹp, sửa sang sạch sẽ, dùng bảy báu để trang hoàng, treo phướn lọng bằng lụa”. Tôn giả A-nan bảo: “Người nghèo ở thế gian mới gọi là Sa-môn, tôi làm sao có thể làm được những việc như vậy?”. Vị Tỳ-kheo ấy nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đại đức có thể vì tôi mà làm thì thật là tốt, nếu không thể làm được thì tôi sẽ trở về chỗ Đức Thế Tôn”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền đến chỗ Đức Phật, thưa như vậy: “Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, vị Tỳ-kheo ấy theo con để cầu xin đủ mọi thứ như phướn, lọng bằng bảy báu để trang hoàng, nhưng con không biết việc này nên làm như thế nào?”. Lúc ấy, Ta lại bảo A-nan: “Nay, ông hãy trở lại, tùy theo ý của Tỳ-kheo ấy mà sắm sửa đầy đủ những vật cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền trở lại nơi ấy, vì vị Tỳ-kheo kia mà sắm sửa đầy đủ mọi thứ. Vị Tỳ-kheo có được mọi thứ xong, liền nhiếp niệm tu đạo, không bao lâu được chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đáng lẽ được nhập Niết-bàn nhưng vì thiếu thốn làm chướng ngại, tâm của họ bị loạn động nên không chứng được. Này thiện nam! Lại có chúng sinh ưa thích việc giáo hóa nhiều, nên tâm họ loạn động không thể đạt được định, do đó không thể đạt được Niết-bàn ở hiện tại. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, do nhân duyên gì mà xả bỏ thân ở cõi Dục thì có Trung Niết-bàn còn ở cõi Sắc thì không có? Này thiện nam! Bạc này quán phiền não ở cõi Dục có hai nhân duyên: một là bên trong, hai là bên ngoài, mà trong cõi Sắc thì không có nhân duyên bên ngoài. Cõi Dục

lại có hai loại tâm ái: một là ái Dục, hai là ái Sắc. Quán hai loại ái này thì đạt đến tâm quả trách, có tâm quả trách rồi thì được nhập Niết-bàn. Trong cõi Dục này có thể quả trách được các phiền não thô, đó là: tham lam, sân hận, ganh ghét, không hổ, không thẹn. Do nhân duyên này có thể đạt được Niết-bàn. Lại nữa, đạo trong cõi Dục, tánh rất mạnh mẽ. Vì sao? Vì đạt được bốn quả. Do đó, cõi Dục có Trung Niết-bàn mà cõi Sắc thì không có Trung Niết-bàn. Đây thiện nam! Trung Niết-bàn lại có ba bậc, đó là thượng, trung và hạ. Bậc thượng là lúc xả bỏ thân, chưa rời cõi Dục liền đạt được Niết-bàn. Bậc trung là mới xa lìa cõi Dục, chưa đến cõi Sắc liền đạt được Niết-bàn. Bậc hạ là xa lìa cõi Dục rồi, mới đến ranh giới cõi Sắc liền đạt được Niết-bàn, dùng ví dụ cá tích kiếm được thức ăn rồi dừng lại, bậc này cũng vậy. Thế nào gọi là dừng lại? Là ở nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được thọ thân, cho nên gọi là dừng lại. Không thọ thân ở cõi Dục, trời, người, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đó gọi là dừng lại; đã đoạn trừ vô lượng các phiền não, kiết sử, chỉ còn lại chút ít, gọi là dừng lại. Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là dừng lại? Là vĩnh viễn không tạo tác nghiệp phàm phu, đó gọi là dừng lại. Tự mình không sợ hãi, không làm cho người khác sợ hãi, đó gọi là dừng lại. Xa lìa hai loại ái, tham lam, keo kiệt, sân hận thì gọi là dừng lại. Đây thiện nam! Bậc đạt đến bờ kia là dụ cho A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát và Phật, giống như rùa thần ở dưới nước, trên bờ đều đi. Nhân duyên gì dùng rùa để ví dụ? Vì khéo léo che giấu năm căn. Bậc A-la-hán cho đến chư Phật cũng như vậy, cũng khéo léo che giấu năm căn, cho nên dụ cho rùa. Nói dưới nước, trên bờ là, dưới nước dụ cho thế gian, trên bờ dụ cho xuất thế. Các bậc Thánh này cũng như vậy, có thể quán sát tất cả phiền não ác nên được đến bờ bên kia, do đó, dụ cho dưới nước, trên bờ đều đi. Đây thiện nam! Như bảy loại chúng sinh trong sông Hằng, tuy có tên cá, rùa nhưng không thể xa lìa nước. Trong Đại Niết-bàn vì diệu này, từ Nhất-xiển-đề đến chư Phật, tuy tên gọi khác nhau nhưng cũng không xa lìa nước Phật tánh. Đây thiện nam! Bảy loại chúng sinh này, hoặc pháp thiện hoặc chẳng phải pháp thiện, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ lớp, hoặc nhân, hoặc quả v.v... đều là Phật

tánh. Đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có nhân thì có quả, nếu không nhân thì không quả. Niết-bàn gọi là quả, là thường nên không nhân, nếu không nhân thì sao gọi là quả. Niết-bàn này cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là quả Sa-môn. Thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian có bảy loại quả: một là quả phước thiện, hai là quả báo ân, ba là quả thân cận, bốn là quả dư tàn, năm là quả bình đẳng, sáu là quả quả báo, bảy là quả viễn ly. Phước thiện là, như người ở thế gian, mùa thu gặt được nhiều lúa, họ bảo nhau rằng được quả phước thiện. Quả phước thiện cũng gọi là quả nghiệp hành. Quả này có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần gọi là hạt giống, nhân xa là nước, phân, công sức người. Đó gọi là quả phước thiện. Quả báo ân là, như người ở thế gian phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đều cho rằng, nay chúng ta đã được quả về ân phụng dưỡng. Con có thể báo ân thì gọi là quả. Quả này, nhân cũng có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là nghiệp thiện thuận thực của cha mẹ trong quá khứ. Nhân xa tức là sinh ra con hiếu. Đó gọi là quả báo ân. Quả thân cận là, ví như có người gần gũi bạn lành, hoặc đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Người này cho rằng, nay tôi đã được quả báo thân cận. Quả báo này, nhân có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là lòng tin, nhân xa bạn lành. Đó gọi là quả thân cận. Quả dư tàn là, như do không sát sinh thì được thân thứ ba là sống lâu, tăng tuổi thọ. Đó gọi là quả dư tàn. Quả dư tàn này có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là thân, miệng, ý thanh tịnh, nhân xa tức là sống lâu, tăng tuổi thọ. Đó gọi là quả dư tàn. Quả bình đẳng nghĩa là khí thế giới. Xưa này cũng có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần nghĩa là chúng sinh tu mười nghiệp thiện, nhân xa nghĩa là tam tai. Đó gọi là quả bình đẳng. Quả quả báo là, như người đạt được thân thanh tịnh rồi, tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Người này liền nói tôi đạt được quả báo. Quả này, nhân có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa.

Nhân gần nghĩa là hiện tại thân, miệng, ý thanh tịnh, nhân xa nghĩa là quá khứ thân, miệng, ý thanh tịnh. Đó gọi là quả của báo quả. Viễn ly quả tức là Niết-bàn, xa lìa các phiền não và tất cả nghiệp thiện. Niết-bàn này, nhân lại có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là ba môn giải thoát, nhân xa tức là đã tu tập pháp thiện trong vô lượng đời. Nay thiện nam! Như pháp thế gian hoặc nói sinh nhân hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sinh nhân cũng nói liễu nhân. Nay thiện nam! Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm có thể làm sinh nhân của tất cả phiền não không sinh khởi, cũng làm liễu nhân cho Niết-bàn. Nay thiện nam! Xa lìa phiền não thì được thấy rõ, thấy rõ về Niết-bàn. Do đó, Niết-bàn chỉ có liễu nhân mà không có sinh nhân. Nay thiện nam! Như điều ông hỏi, thế nào là đạo Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn? Nay thiện nam! Đạo Sa-môn tức tám Thánh đạo. Quả Sa-môn là, từ nơi đạo, dứt trừ hoàn toàn tất cả tham, sân, si... Đó gọi là đạo Sa-môn và quả Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì tám Thánh đạo gọi là đạo Sa-môn?

–Nay thiện nam! Thế gian cho rằng Sa-môn gọi là thiếu thốn, Đạo gọi là con đường đạo này đoạn trừ tất cả sự thiếu thốn và đoạn trừ tất cả con đường, do nghĩa này nên gọi tám Thánh đạo là đạo Sa-môn. Từ trong đạo này chứng được đạo quả nên gọi là quả Sa-môn. Nay thiện nam! Lại nữa, đạo Sa-môn là, như ở thế gian, có người ưa thích tịch tĩnh cũng gọi là Sa-môn. Đạo này cũng gọi như vậy, có thể khiến cho hành giả xa lìa những việc ác về thân, miệng, ý, tà mạng v.v... được niềm vui tịch tĩnh, do đó gọi là đạo Sa-môn. Nay thiện nam! Như ở thế gian, người thấp hèn có thể làm người cao thượng, đó gọi là Sa-môn. Đạo này cũng như vậy, có thể khiến người thấp hèn trở thành người cao thượng, do đó được gọi là đạo Sa-môn. Nay thiện nam! Bậc A-la-hán tu đạo này đạt được quả Sa-môn, do đó được gọi là đến bờ bên kia. Quả A-la-hán tức là năm phần pháp thân vô học: giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Nhờ năm phần này nên được đến bờ bên kia, do đó gọi là đến bờ bên kia. Đến

bờ bên kia rồi tự nói: “Ta đã đoạn tận sinh tử, đã kiến lập phạm hạnh, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau”. Đây thiện nam! Bạc A-la-hán này đoạn trừ vĩnh viễn nhân duyên sinh tử ở ba đời, do đó tự nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử; cũng đã đoạn trừ thân năm ấm trong ba cõi, do đó lại nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử; đã tu phạm hạnh rốt ráo, do đó nói rằng đã kiến lập phạm hạnh. Lại nữa, xả bỏ học đạo nên cũng gọi là đã kiến lập, như sự mong cầu từ xưa, ngày nay đã được, do đó nói rằng việc làm đã xong. Tu đạo chứng quả cũng nói rằng đã xong. Đạt được Tận trí và Vô sinh trí nên nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử, đã đoạn tận các kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi A-la-hán được đến bờ bên kia. Như bậc A-la-hán, Phật-bích-chi cũng như vậy. Bồ-tát và chư Phật thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên gọi là đến bờ kia. Chư Phật và Bồ-tát đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì đạt được quả của sáu pháp Ba-la-mật. Do đạt được quả này nên gọi là đầy đủ.

Này thiện nam! Bảy hạng chúng sinh này không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, do không thể tu tập bốn điều như vậy nên có thể tạo tội nặng ngũ nghịch, đoạn trừ căn lành, phạm bốn giới nặng, chê bai Phật, Pháp, Tăng. Do đó, được gọi là luôn chìm. Đây thiện nam! Trong bảy hạng người này, có người nào gần gũi thiện tri thức, chí tâm nghe nhận chánh pháp của Như Lai, bên trong khéo tư duy, như pháp mà an trụ, siêng năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ, do đó được gọi là vượt qua biển sinh tử, đến bờ bên kia. Nếu có người cho rằng hạng Nhất-xiển-đề mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là nhiệm trước, nếu cho rằng không chứng đắc thì đó gọi là hư vọng. Đây thiện nam! Bảy hạng người này hoặc có một hạng đầy đủ cả bảy, hoặc bảy hạng mỗi hạng chỉ có một. Đây thiện nam! Nếu người nào tâm, miệng và tướng khác nhau mà cho rằng Nhất-xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu người nào tâm, miệng và tướng khác nhau mà cho rằng Nhất-xiển-đề không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Đây thiện nam! Nếu người

nào cho rằng tám Thánh đạo là sự chứng đắc của phàm phu thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu người nào cho rằng tám Thánh đạo chẳng phải là sự chứng đắc của phàm phu thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Đây thiện nam! Nếu có người cho rằng tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh hoặc nhất định không có Phật tánh thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Đây thiện nam! Do đó, nên trong kệ kinh, Ta nói có hai hạng người chê bai Phật, Pháp, Tăng: một là không có lòng tin, vì tâm sân hận; hai là tuy có lòng tin nhưng chẳng hiểu nghĩa lý. Đây thiện nam! Nếu người nào có lòng tin mà không có trí tuệ thì người ấy khiến vô minh tăng trưởng. Nếu có trí tuệ mà không có lòng tin thì người này làm tăng trưởng tà kiến. Đây thiện nam! Người không có lòng tin, vì tâm sân hận nên nói rằng không có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Người tin nhưng không có trí tuệ thì hiểu nghĩa lý điên đảo, khiến người nghe pháp chê bai Phật, Pháp, Tăng. Đây thiện nam! Do đó, Ta nói người không có lòng tin vì sân hận, người có lòng tin vì không có trí tuệ nên người này hay chê bai Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Đây thiện nam! Nếu có người nói rằng Nhất-xiển-đề chưa phát sinh pháp thiện liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người cho rằng Nhất-xiển-đề xả bỏ Nhất-xiển-đề, sinh trong thân khác liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói rằng hạng Nhất-xiển-đề có thể phát sinh căn lành, phát sinh căn lành rồi, liên tục không gián đoạn sẽ liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nói là Nhất-xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết người này không chê bai Tam bảo. Đây thiện nam! Nếu có người cho rằng tất cả chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, thường, lạc, ngã, tịnh, vì không tạo tác, không sinh khởi, nhưng vì nhân duyên phiền não nên không thấy thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói rằng tất cả chúng sinh đều không có Phật tánh, giống như sừng thỏ, từ phương tiện sinh khởi, vốn không nay có, đã có rồi lại không, thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Hoặc có người nói

rằng Phật tánh của chúng sinh, chẳng có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao? Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, do đó được nói là cũng có, cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Nói như vậy là không chê bai Tam bảo. Này thiện nam! Luận về Phật tánh thì không gọi là một pháp, không gọi là mười pháp, không gọi là trăm pháp, không gọi là ngàn pháp, cũng không gọi là vạn pháp. Khi chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả thiện, bất thiện, vô ký v.v... đều gọi là Phật tánh. Như Lai có khi nói trong nhân nói quả, trong quả nói nhân, đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai. Do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là Như Lai, do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là A-la-hán, do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là Tam-miệu-tam-phật-đà.

